

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai thực hiện thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 427/QĐ-KCNĐN ngày 28/12/2022 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai về việc thành lập đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Sản xuất các máy phun bê tông, máy vận chuyển bê tông trong hầm mỏ và các chi tiết, phụ tùng kèm theo với quy mô 100 sản phẩm/năm (tương đương 1.000 tấn sản phẩm/năm); sản xuất tủ điện cao thế, trạm biến thế và các chi tiết kèm theo với quy mô 500 sản phẩm/năm (tương đương 100 tấn sản phẩm/năm)” tại Lô D, KCN Lộc An - Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai của Công ty TNHH VMS Engineering;*

*Theo văn bản số 162/KCNĐN-MT ngày 17/01/2023 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH VMS Engineering;*

*Xét đề nghị của Công ty TNHH VMS Engineering tại văn bản số 02/2023-VMS/GPMT ngày 15/05/2023 về việc giải trình chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà xưởng sản xuất các máy phun bê tông, máy vận chuyển bê tông trong hầm mỏ với quy mô 50 sản phẩm/năm (tương đương 600 tấn sản phẩm/năm) và các chi tiết, phụ tùng kèm theo với quy mô 50 sản phẩm/năm (tương đương 400 tấn sản phẩm/năm); Sản xuất tủ điện cao thế, trạm biến thế với quy mô 250 sản phẩm/năm (tương đương 40 tấn sản phẩm/năm) và các chi tiết, phụ tùng kèm theo với quy mô 250 sản*





phẩm/năm (tương đương 60 tấn sản phẩm/năm)” tại Lô D, KCN Lộc An - Bình Sơn, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH VMS Engineering, địa chỉ tại Lô D, KCN Lộc An - Bình Sơn, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (sau đây được gọi là Chủ cơ sở) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà xưởng sản xuất các máy phun bê tông, máy vận chuyển bê tông trong hầm mỏ với quy mô 50 sản phẩm/năm (tương đương 600 tấn sản phẩm/năm) và các chi tiết, phụ tùng kèm theo với quy mô 50 sản phẩm/năm (tương đương 400 tấn sản phẩm/năm); Sản xuất tủ điện cao thế, trạm biến thế với quy mô 250 sản phẩm/năm (tương đương 40 tấn sản phẩm/năm) và các chi tiết, phụ tùng kèm theo với quy mô 250 sản phẩm/năm (tương đương 60 tấn sản phẩm/năm)” tại Lô D, KCN Lộc An - Bình Sơn, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

### 1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà xưởng sản xuất các máy phun bê tông, máy vận chuyển bê tông trong hầm mỏ với quy mô 50 sản phẩm/năm (tương đương 600 tấn sản phẩm/năm) và các chi tiết, phụ tùng kèm theo với quy mô 50 sản phẩm/năm (tương đương 400 tấn sản phẩm/năm); Sản xuất tủ điện cao thế, trạm biến thế với quy mô 250 sản phẩm/năm (tương đương 40 tấn sản phẩm/năm) và các chi tiết, phụ tùng kèm theo với quy mô 250 sản phẩm/năm (tương đương 60 tấn sản phẩm/năm).

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô D, KCN Lộc An - Bình Sơn, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 3603582307, chứng nhận lần đầu ngày 22/08/2018, thay đổi lần thứ tư ngày 27/11/2020 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 6578366906, chứng nhận lần đầu ngày 14/08/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ năm ngày 13/11/2020 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 3603582307.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất máy phun bê tông, máy vận chuyển bê tông trong hầm mỏ và các chi tiết, phụ tùng kèm theo; Sản xuất tủ điện cao thế, trạm biến thế và các chi tiết, phụ tùng kèm theo.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Diện tích sử dụng đất 30.733,1 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công). Theo tiêu chí môi trường thuộc “Dự án đầu tư nhóm II”.



- Công suất: Sản xuất các máy phun bê tông, máy vận chuyển bê tông trong hầm mỏ với quy mô 50 sản phẩm/năm (tương đương 600 tấn sản phẩm/năm) và các chi tiết, phụ tùng kèm theo với quy mô 50 sản phẩm/năm (tương đương 400 tấn sản phẩm/năm); Sản xuất tủ điện cao thế, trạm biến thế với quy mô 250 sản phẩm/năm (tương đương 40 tấn sản phẩm/năm) và các chi tiết, phụ tùng kèm theo với quy mô 250 sản phẩm/năm (tương đương 60 tấn sản phẩm/năm).

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ cơ sở:**

1. Chủ cơ sở có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chủ cơ sở có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3. Thời hạn của Giấy phép:** 10 năm (từ ngày 2 tháng 6 năm 2023 đến ngày 2 tháng 6 năm 2033).

**Điều 4. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 32/QĐ-KCNĐN ngày 29/01/2019 do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp cho dự án “Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất các máy phun bê tông, máy vận chuyển bê tông trong hầm mỏ, công suất 1.000 tấn sản phẩm/năm và sản xuất tủ**





điện cao thế, trạm biến thế, công suất 500 tấn sản phẩm/năm” tại KCN Lộc An - Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai hết hiệu lực kể từ ngày giấy phép môi trường có hiệu lực.

**Điều 5.** Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./-2✓

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và môi trường (đề báo cáo);
- UBND tỉnh (đề báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Long Thành;
- Cty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành;
- Cty TNHH VMS Engineering (thực hiện);
- Website Ban Quản lý các KCN;
- Lưu: VT, MT (NT)

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Đương Thị Xuân Nương**



## PHỤ LỤC 1

### YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 74 /GPMT -KCNĐN ngày 2 / 6 / 2023 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

##### 1. Nguồn phát sinh nước thải

Các nguồn nước thải phát sinh của cơ sở bao gồm:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt với lưu lượng khoảng 24,75 m<sup>3</sup>/ngày.
- Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình vệ sinh nhà xưởng với lưu lượng khoảng 1 m<sup>3</sup>/ngày.
- Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình rửa xe thành phẩm với lưu lượng khoảng 3,85 m<sup>3</sup>/ngày.

##### 2. Dòng nước thải đầu nối vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí đầu nối nước thải với KCN

###### 2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Toàn bộ nước thải từ cơ sở sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn sẽ được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Lộc An – Bình Sơn tại một điểm nằm trên đường N1 của KCN.

###### 2.2. Vị trí đầu nối nước thải

- Vị trí: 01 hố ga trên đường N1 của KCN Lộc An – Bình Sơn.
- Tọa độ vị trí: X = 1.193.967; Y = 416.136 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3°).

###### 2.3. Lưu lượng đầu nối nước thải lớn nhất: 29,6 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

###### 2.3.1. Phương thức đầu nối nước thải: Tự chảy (24/24 giờ).

2.3.2. Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp phải đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Lộc An – Bình Sơn theo Hợp đồng xử lý nước thải giữa Chủ cơ sở và đơn vị đầu tư hạ tầng KCN Lộc An – Bình Sơn (Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành) ký ngày 19/08/2019.

#### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

##### 1. Công trình, biện pháp thu gom nước mưa, nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt tại các khu vực được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó theo các đường ống PVC168, PVC200 qua các hố ga (900x900mm) về 01 hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 50 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý. Nước thải sau hệ thống xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Lộc An-Bình Sơn.



- Nước thải từ hoạt động vệ sinh nhà xưởng và từ rửa xe thành phẩm: Được thu gom theo các đường ống PVC168, PVC200 qua các hố ga (900x900mm) về 01 hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 50 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý. Nước thải sau hệ thống xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Lộc An-Bình Sơn.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải: 01 hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 50 m<sup>3</sup>/ngày.đêm

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải: *Nước thải (sinh hoạt + sản xuất) → Bể thu gom + tách dầu → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể sau xử lý → Đầu nối vào KCN Lộc An – Bình Sơn.*

- Công suất thiết kế: 50 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Mật ri đường, NaHCO<sub>3</sub>.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải và mang đi xử lý đúng quy định.

- Trường hợp có sự cố nghiêm trọng, tạm ngưng các dây chuyền sản xuất có phát sinh nước thải tại cơ sở, đóng van xả thải, tập trung nguồn lực để khắc phục sự cố.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 06/2023 (thời gian vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải không quá 06 tháng theo quy định).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

01 Hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 50 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Tại đầu vào của hệ thống xử lý nước thải.

- Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:



Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Lộc An – Bình Sơn trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN để tiếp tục xử lý, cụ thể các thông số ô nhiễm chính như sau: pH, COD, BOD<sub>5</sub>, TSS, Amoni, Tổng N, Tổng P, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể: Việc quan trắc nước thải do chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Lộc An – Bình Sơn theo thỏa thuận giữa Chủ đầu tư cơ sở và đơn vị kinh doanh hạ tầng KCN Lộc An – Bình Sơn, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất,... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của nhà máy.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Lộc An – Bình Sơn để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

**PHỤ LỤC 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 74 /GPMT -KCNDN ngày 2 / 6 / 2023*  
*của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ quá trình phun bi làm sạch bề mặt. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 27.000 m<sup>3</sup>/h.
- Nguồn số 02: Bụi, hơi dung môi từ quá trình sơn. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 24.000 m<sup>3</sup>/h.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

2.1. Vị trí xả khí thải (theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107<sup>0</sup>45, múi chiều 3<sup>0</sup>):

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thải của 01 hệ thống xử lý bụi từ công đoạn phun bi (công suất thiết kế 27.000 m<sup>3</sup>/h). Tọa độ: X= 1.193.752; Y= 416.131
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thải của 01 hệ thống xử lý bụi sơn (công suất thiết kế 24.000 m<sup>3</sup>/h). Tọa độ: X= 1.193.788; Y= 416.131.

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên cơ sở tại Lô D, KCN Lộc An - Bình Sơn, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 51.000 m<sup>3</sup>/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn môi trường được xả ra môi trường qua ống thải, xả thải liên tục 24/24 giờ khi phát sinh.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với  $K_v = 1$  và  $K_p = 0,9$ ) và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT trước khi xả ra môi trường, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
			QCVN 19: 2009/BTNMT, cột B, $K_v = 1$ và $K_p = 0,9$	QCVN 20: 2009/BTNMT		
<b>I</b>	<b>Dòng thải số 01: Ống thải của hệ thống xử lý bụi từ công đoạn phun bi (công suất thiết kế 27.000 m<sup>3</sup>/h)</b>					
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	-	6 tháng/lần	Không thuộc



STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
			QCVN 19: 2009/BTNMT, cột B, $K_v = 1$ và $K_p = 0,9$	QCVN 20: 2009/BTNMT		
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	180	-		đôi tượng quan trắc
<b>II</b> Dòng khí thải số 02: đầu ra của hệ thống xử lý bụi sơn (công suất 24.000 m <sup>3</sup> /h)						
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	-	6 tháng/lần	Không thuộc đôi tượng quan trắc theo Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	180	-		
3	Benzen	mg/Nm <sup>3</sup>	-	5		
4	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	-	870		
5	n-Butanol	mg/Nm <sup>3</sup>	-	360		

**Ghi chú:**

(1) Giá trị giới hạn cho phép theo: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với  $K_v = 1,0$  và  $K_p = 0,9$ ) và QCVN 20:2009/BTNMT.

(2) Chủ cơ sở có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát các nguồn phát sinh khí thải đảm bảo chất lượng khí thải trước khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với  $K_v = 1,0$  và  $K_p$  theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải) và QCVN 20:2009/BTNMT.

## **B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

#### **1.1 Mạng lưới thu gom khí thải**

- Khí thải của nguồn số 01 được thu gom bằng máng thu hồi bụi, kích thước 6.000mmx1.500mm, theo ống dẫn đường kính 230mm về hệ thống xử lý bụi phun bi, công suất thiết kế 27.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Khí thải của nguồn số 02 dưới lực hút của quạt sẽ được thu gom thông qua 04 hệ hút đã được bố trí dưới nền trong phòng sơn đi qua bộ lọc bụi sơn sau đó được tập trung lại theo đường ống thu gom về hệ thống xử lý bụi sơn, công suất thiết kế 24.000 m<sup>3</sup>/giờ.

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải**

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải đối với nguồn số 01: 01 hệ thống xử lý bụi phun bi, công suất thiết kế 27.000 m<sup>3</sup>/giờ.



- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: *Khí thải* → *Máng thu hồi bụi bi* → *Ống dẫn* → *Cyclone tách bụi* → *Lọc bụi tinh* → *Ống thải có đường kính 500 mm, cao 13,5 m tính từ mặt đất* → *Đạt quy chuẩn môi trường cho phép được xả thải ra môi trường.*

- Công suất thiết kế: 27.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải đối với nguồn số 02: 01 hệ thống xử lý bụi sơn, công suất thiết kế 24.000 m<sup>3</sup>/h.

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: *Khí thải* → *Bộ lọc bụi sơn* → *Quạt hút* → *Tháp hấp phụ than hoạt tính* → *Quạt hút* → *Ống thải có đường kính 800 mm, cao 12,655 m tính từ mặt đất* → *Đạt quy chuẩn môi trường cho phép được xả thải ra môi trường.*

- Công suất thiết kế: 24.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên tiến hành kiểm tra các thiết bị xử lý chất thải; vệ sinh đường ống hút khí để tăng hiệu suất xử lý.

- Khi hệ thống thu gom thoát khí gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt yêu cầu quy định phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

- Bố trí công nhân vận hành 24/24 giờ, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 06/2023 (thời gian vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải không quá 06 tháng theo quy định).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý bụi phun bi, công suất thiết kế 27.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hệ thống xử lý bụi sơn, công suất thiết kế 24.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Theo 02 vị trí được cấp phép tại Phần A2.1.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 Phần A của Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:



Thực hiện quan trắc khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý hơi axit theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể: Việc quan trắc khí thải do chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý khí thải.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**PHỤ LỤC 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 74 /GPMT -KCNDN ngày 2 / 6 /2023  
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Khu vực xưởng 1 (máy CNC, khoan, tiện, mài).
- Nguồn số 02: Khu vực xưởng 2 (máy hàn, phun bi).
- Nguồn số 03: Khu vực xưởng 3 (các công đoạn lắp ráp).

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107<sup>0</sup>45, múi chiếu 3<sup>0</sup>):**

- Nguồn số 01: Tọa độ X= 1.193.800; Y= 416.042.
- Nguồn số 02: Tọa độ X= 1.193.781; Y= 416.106.
- Nguồn số 03: Tọa độ X= 1.193.926; Y= 416.106.

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L <sub>aeq</sub> ) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

4. Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

TT	QCVN 27:2010/BTNMT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)			
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**



**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất được bảo dưỡng, bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị.

**PHỤ LỤC 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 74 /GPMT -KCNĐN ngày 2 / 6 /2023  
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên**

- Khối lượng phát sinh dự kiến: 4.755 kg/năm.

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Tấm lọc bụi sơn thải bỏ	Rắn	08 01 01	KS	200
2	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	KS	05
3	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ HTXL bụi sơn	Rắn	12 01 04	KS	450
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	NH	10
5	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	17 01 06	NH	2.000
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	Lỏng	17 02 04	NH	200
7	Bao bì kim loại cứng thải	Rắn	18 01 02	KS	1.000
8	Giẻ lau, bao tay bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	500
9	Pin, ắc quy thải	Rắn	19 06 05	NH	10
10	Nước thải có nhiễm thành phần nguy hại từ quá trình gia công tạo hình	Lỏng	19 10 01	KS	400
<b>Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)</b>					<b>4.755</b>

Thực hiện phân định, phân loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.



## 1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

- Khối lượng phát sinh dự kiến: 232.828 kg/năm.

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Phế liệu (sắt, thép, inox vụn, bazo...) từ quá trình sản xuất máy phun bê tông, máy vận chuyển bê tông	Rắn	11 04 03	TT-R	194.000
2	Tôn, composit thừa, thải bỏ từ quá trình sản xuất tủ điện cao thế, trạm biến thế	Rắn	11 04 03	TT-R	28.500
3	Hạt bi thải và bụi kim loại phát sinh từ quá trình phun bi	Rắn	11 04 03	TT-R	2.000
4	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	Rắn	18 01 05	TT-R	600
5	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	Rắn	18 01 06	TT-R	720
6	Các loại chất thải công nghiệp không nguy hại khác như: pallet, gỗ bị hư hỏng, gỗ vụn,....	Rắn	11 02 02	TT-R	1.800
7	Bùn thải từ bể tự hoại, từ HTXL nước thải tập trung công suất 50 m <sup>3</sup> /h	Bùn	12 06 12	TT	5.208
<b>Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)</b>					<b>232.828</b>

## 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Khối lượng phát sinh dự kiến: 28.000 kg/năm.

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	28.000
<b>Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)</b>		<b>28.000</b>



## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại (CTNH)**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Khu lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa: Kho chứa CTNH dạng rắn 25 m<sup>2</sup>, Kho chứa CTNH dạng lỏng 28,8 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà:

+ Đối với kho chứa CTNH dạng rắn, diện tích 25 m<sup>2</sup>: Kho chứa có kết cấu tường gạch, trần thạch cao, nền bê tông chống thấm, đảm bảo chất thải không bị tác động bởi các yếu tố bên ngoài. Kho chứa được bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp có sự cố xảy ra. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại theo quy định.

+ Đối với kho chứa chất thải dạng lỏng, diện tích 28,8m<sup>2</sup>: Kho chứa bằng Container 40 feet), đảm bảo kín, không bị tác động bởi các yếu tố bên ngoài, được thiết kế khay chứa phụ để thu gom chất thải nếu có sự cố rò rỉ, tràn đổ xảy ra.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường**

- Diện tích khu vực lưu chứa: 17,5 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: có mái che, có nền bê tông chống thấm, nền kín, không bị rạn nứt, không bị ảnh hưởng bởi nước mưa chảy tràn.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt**

- Khu vực lưu chứa: Bố trí thùng lưu chứa xung quanh nhà xưởng, văn phòng, nhà bảo vệ,... của cơ sở.

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy loại 660L.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại**

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi



trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

## **2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:**

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của cơ sở theo quy định.

## **3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:**

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

**PHỤ LỤC 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 74 /GPMT -KCNDN ngày 2 / 6 /2023  
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DƯ' ÁN ĐẦU TƯ, CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:**

Không.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở và các quy định pháp luật hiện hành.
2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.
3. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với cơ sở.
4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định.
5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.
6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
7. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện cơ sở theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật




hiện hành.

8. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty CP Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành, UBND huyện Long Thành, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan. Chủ cơ sở chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho cơ sở.

10. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./-

**BAN QUẢN LÝ CÁC KCN ĐỒNG NAI**

